## XI. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

**5. Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái. Mã TTHC - 3.000250**

***(1)* Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực tiếp; thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho chủ rừng và nêu rõ lý do.

Bước 3: Lấy ý kiến phương án quản lý rừng bền vững

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan của người có thẩm quyền theo quy định, lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị có liên quan về nội dung phương án quản lý rừng bền vững;

Bước 4: Trả lời ý kiến về phương án quản lý rừng bền vững

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản;

Bước 5: Tổng hợp ý kiến, trình ban hành Quyết định

Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến, cơ quan của người có thẩm quyền theo quy định hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định theo Mẫu số 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-NNMT; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 11 Phụ lục III hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 12 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-NNMT và trả kết quả cho chủ rừng trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử Trường hợp không phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***(2) Địa điểm thực hiện***

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến (dichvucong.gov.vn).

***(3) Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử

***(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

***- Thành phần hồ sơ bao gồm:***

- Bản chính Tờ trình đề nghị phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 09 hoặc Mẫu số 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT;

- Phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT;

- Bản sao các loại bản đồ:

+ Bản đồ hiện trạng rừng theo TCVN 11565:2016;

+ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Bản đồ quản lý rừng bền vững được áp dụng theo TCVN 11566:2016 thể hiện diện tích các loại rừng được quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở hạ tầng lâm sinh, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo kế hoạch quản lý rừng bền vững của chủ rừng.

- Tỷ lệ bản đồ 1:5.000 hoặc 1:10.000 hoặc 1:25.000 hoặc 1:50.000 do chủ rừng quyết định phù hợp với quy mô diện tích của khu rừng.

- ***Số lượng hồ sơ:* 01 bộ**.

***(5) Thời hạn giải quyết***: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

***(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái.

***(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã

***(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh phê duyêt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 11 hoặc Mẫu số 12 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT;

***(9) Lệ phí, phí (nếu có): không***

***(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT.

***(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không***

***(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

**(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:**

- Bản chính Tờ trình đề nghị phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 09 hoặc Mẫu số 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT;

- Phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT;

- Bản sao các loại bản đồ:

+ Bản đồ hiện trạng rừng theo TCVN 11565:2016;

+ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

+ Bản đồ quản lý rừng bền vững được áp dụng theo TCVN 11566:2016 thể hiện diện tích các loại rừng được quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở hạ tầng lâm sinh, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo kế hoạch quản lý rừng bền vững của chủ rừng.

**(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:**

Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh phê duyêt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 11 hoặc Mẫu số 12 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT.

**Kèm theo Mẫu đơn/Tờ khai của TTHC**

**Mẫu số 10**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*(tên xã)…., ngày …. tháng ……. năm 202…*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững**

*(Đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc nhóm hộ, tổ hợp tác)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã *(tên xã)………*

Căn cứ ….;

Căn cứ....... (các văn bản quy phạm pháp luật quy định về lâm nghiệp và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích rừng, đất lâm nghiệp, cơ chế, chính sách mới ban hành có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh phương án);

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (tên xã) …xem xét, điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững như sau:

1. Họ và tên chủ rừng: ………. (Ghi rõ họ và tên chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác)

2. Địa chỉ: …………..;

3. Số CCCD: ………………..; Ngày cấp:……./……./…….;

4. Hồ sơ gửi kèm:

- Phương án quản lý rừng bền vững (được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung);

- Các loại bản đồ, gồm: …………....(được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung);

(Tại mục 4 nêu trên, chủ rừng phải giải trình cơ sở pháp lý, thực tiễn đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ các nội dung có liên quan).

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã (tên xã) …… xem xét, phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: CR hoặc nhóm hộ, THT. | **Chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác** *(ký, ghi rõ họ và tên)* **Nguyễn Văn B** |

**Mẫu 10**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*(tên xã)…., ngày …. tháng ……. năm 202…*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững***(Đối với chủ rừng hoặc nhóm hộ, tổ hợp tác có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã *(tên xã)………*

Căn cứ ….;

Căn cứ....... (các văn bản quy phạm pháp luật quy định về lâm nghiệp và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích rừng, đất lâm nghiệp, cơ chế, chính sách mới ban hành có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh phương án);

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (tên xã) …xem xét, điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững như sau:

1. Họ và tên chủ rừng: ………. (Ghi rõ họ và tên chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác)

2. Địa chỉ: …………..;

3. Số CCCD: ………………..; Ngày cấp:……./……./…….;

4. Hồ sơ gửi kèm:

- Phương án quản lý rừng bền vững (được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung);

- Các loại bản đồ, gồm: …………....(được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung);

(Tại mục 4 nêu trên, chủ rừng phải giải trình cơ sở pháp lý, thực tiễn đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ các nội dung có liên quan).

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã (tên xã) …… xem xét, phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: CR hoặc nhóm hộ, THT. | **Chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác** *(ký, ghi rõ họ và tên)* **Nguyễn Văn B** |

***(15)* Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC**

1. Thời gian thực hiện: không quá 120 giờ (15 ngày làm việc) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Trình tự thực hiện: Quy trình nội bộ và điện tử 120 giờ

- Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC cấp xã (trực tuyến, trực tiếp, BCCI)

| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | Công chức  TTPVHCC cấp xã | 02 giờ |
| 2 | Giải quyết hồ sơ  *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)* | Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 02 giờ |
| 3 | Ký tắt văn bản lấy ý kiến | Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 02 giờ |
| 4 | Phê duyệt văn bản lấy ý kiến | Lãnh đạo UBND xã | 02 giờ |
| 5 | Văn bản góp ý | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | 40 giờ |
| 6 | Hoàn thiện báo cáo  kết quả thẩm định | Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 54 giờ |
| 7 | Ký tắt hồ sơ | Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 08 giờ |
| 8 | Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo UBND xã | 08 giờ |
| 9 | Đóng dấu vào sổ, chuyển TTPVHCC | Công chức nghiệp vụ văn thư | 02 giờ |
| 10 | Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức | Công chức TTPVHCC | Giờ hành chính |

**Mẫu số 06**

**PHƯƠNG ÁN NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN,**

**THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**   
*(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư*

*hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**MỞ ĐẦU**

**Chương I**

**ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA CHỦ RỪNG**

**I. LOẠI HÌNH CHỦ RỪNG**

1. Hộ gia đình/cá nhân (hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ), cộng đồng dân cư để xây dựng phương án.

2. Số lượng thành viên tham gia xây dựng phương án (trường hợp liên kết theo nhóm hộ).

**II. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG, LOÀI CÂY DƯỢC LIỆU HIỆN CÓ TRONG RỪNG**

1. Nêu đặc điểm chung về hiện trạng tài nguyên rừng của chủ rừng: hộ gia đình/cá nhân/nhóm hộ/cộng đồng dân cư.

2. Tổng diện tích rừng: ....ha, trong đó:

- Rừng đặc dụng …ha (rừng tự nhiên …ha, rừng trồng …ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu);

- Rừng phòng hộ …ha (rừng tự nhiên …ha, rừng trồng …ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu);

- Rừng sản xuất …ha (rừng tự nhiên …ha, rừng trồng …ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu).

Diện tích của từng thành viên nhóm hộ/cộng đồng dân cư, gồm: diện tích loại rừng được tổng hợp theo mẫu Biểu 01.

- Cây dược liệu hiện có trong rừng (thống kê các loài cây dược liệu chính): …………

**Biểu 01: Tổng hợp diện tích rừng của hộ gia đình,**

**cá nhân hoặc nhóm hộ, cộng đồng dân cư**

| **Tên chủ rừng** | **Tổng diện tích (ha)** | **Rừng đặc dụng (ha)[[1]](#footnote-1)** | **Rừng phòng hộ (ha)** | **Rừng sản xuất (ha)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2=3+4+5) | (3) | (4) | (5) |
| .......... |  |  |  |  |
| ......... |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |

**Chương II**

**KẾ HOẠCH NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH**

**CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**

**I. THỜI GIAN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN:** Từ năm ... đến năm ...

**II. KẾ HOẠCH NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**

1. Đối với rừng đặc dụng

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh.

- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển.

- Phương thức trồng:

+ Phương thức trồng: phân tán hoặc theo đám dưới tán rừng;

+ Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo lô, khoảnh, tiểu khu,…) theo diện tích rừng của chủ rừng.

- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.

- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới đảm bảo không làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.

- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.

- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên kết) theo từng chủ rừng (theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

*(Chi tiết thống kê theo mẫu Biểu 02)*

2. Đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển.

- Phương thức trồng:

+ Phương thức trồng: trồng phân tán hoặc theo băng hoặc theo đám dưới tán rừng.

+ Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích nuôi, trồng phát triển cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo từng diện tích rừng của chủ rừng).

- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.

- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới đảm bảo không làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.

- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.

- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết) theo từng chủ rừng (theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

*(Chi tiết thống kê theo mẫu Biểu 02)*

**Biểu 02: Dự kiến kế hoạch nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ rừng** | **Diện tích trồng (ha)** | **Loài cây trồng** | **Năm trồng** | **Chu kỳ canh tác dự kiến (năm)** | **Phương thức trồng** | **Khu vực** |
| **I. RỪNG ĐẶC DỤNG (nếu có):** | | | | …… |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Cộng đồng Bản A, xã…., tỉnh/tp | 2,5 | … | 2025 | 8 | Phân tán | Lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh |
| 2 | .... | …... | …. | …. | …… |  |  |
| **II. RỪNG PHÒNG HỘ (nếu có):** | | | | …… |  |  |  |
| 1 | Đinh Văn B |  |  |  |  |  |  |
| 2 | ……… |  |  | …… |  |  |  |
| **III. RỪNG SẢN XUẤT (nếu có)** | | | | | |  |  |
| 1 | Nguyễn Văn C |  |  |  |  |  |  |
| 2 | …. |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng (I+II+III):** | |  |  | ...... |  |  |  |

**III. KẾ HOẠCH THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**

Nêu cụ thể các nội dung sau:

1. Diện tích dự kiến thu hoạch: .....ha theo chủ rừng (lô, khoảnh, tiểu khu).

2. Loài cây dược liệu dự kiến thu hoạch.

3. Phương thức thu hoạch dự kiến (thu hoạch toàn bộ cây; thu hái hoa, quả, củ, lá, thân,...).

4. Biện pháp quản lý cây dược liệu sau thu hoạch.

**IV. KẾ HOẠCH BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG Ở KHU VỰC NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU**

1. Diện tích rừng quản lý, bảo vệ.

2. Diện tích rừng áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp tác động) theo chủ rừng và theo địa danh lô, khoảnh, tiểu khu tại khu vực dự kiến nuôi trồng, phát triển cây dược liệu.

3. Diện tích áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trên diện tích nuôi, trồng phát triển sau khi thu hoạch cây dược liệu theo chủ rừng và theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu,…).

**Chương III**

**TỔ CHỨC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Nêu cụ thể nhiệm vụ của chủ rừng hoặc trưởng nhóm; ban quản lý nhóm (nếu có) và từng thành viên nhóm (trường hợp liên kết) để xây dựng và thực hiện phương án.

**II. THEO DÕI KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

Nội dung theo dõi đánh giá, giám sát bao gồm:

1. Kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân xã, cơ quan Kiểm lâm.

2. Kiểm tra, giám sát định kỳ đối với chủ rừng và thành viên nhóm (trường hợp tổ chức theo nhóm hộ).

**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN** (nêu các giải pháp thực hiện phương án)

1. Về tổ chức nhóm (trường hợp tổ chức theo nhóm hộ gia đình), cộng đồng dân cư.

2. Hỗ trợ của cơ quan Kiểm lâm.

3. Kiến nghị đối với địa phương.

**CHỦ RỪNG**

**ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ/CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 07**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**…...  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số: …/QĐ-… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** *…, ngày… tháng… năm….* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển,**

**thu hoạch cây dược liệu trong rừng**

*(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư*

*hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số …/2025/NĐ-CP ngày …. tháng…. năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số …… (các quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, nếu có)…...;*

*Căn cứ .......................................;*

*Xét đề nghị của .................. tại ....................…..*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của…….(tên chủ rừng/nhóm hộ/cộng đồng dân cư) giai đoạn:…….với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên gọi của phương án: Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của…….(tên chủ rừng) giai đoạn:……..

2. Phạm vi thực hiện của phương án: nêu địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu) hoặc số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, giao rừng, cho thuê đất của chủ rừng.

3. Thời gian thực hiện:…

4. Kế hoạch nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Rừng đặc dụng;

- Rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

b) Loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch.

c) Phương thức trồng, chu kỳ canh tác dự kiến.

d) Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu (tiểu khu, xã, tỉnh).

đ) Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng ở khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu.

- Diện tích rừng quản lý, bảo vệ; bảo tồn đa dạng sinh học (đối với rừng đặc dụng);

- Diện tích rừng dự kiến áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp lâm sinh tác động) trong khu vực nuôi, trồng phát triển cây dược liệu;

- Biện pháp lâm sinh dự kiến áp dụng đối với khu vực rừng sau khi thu hoạch cây dược liệu.

**Điều 2.** **Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của chủ rừng.

2. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn cấp xã.

3. Các phòng, ban và địa phương có liên quan.

4. …………………………………………………………….................

*(Chi tiết thông tin tại phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng kèm theo).*

**Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành**

…..thống kê các cơ quan, cá nhân trực tiếp liên quan và…..(tên chủ rừng)….. chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3;  - ..............................;  - Các phòng cơ quan…; - Lưu: VT,… | **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***(15)* Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC**

a) Thời hạn giải quyết: 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ làm việc

b) Trình tự thực hiện:

- Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết (trực tuyến, trực tiếp, BCCI)

| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | Công chức TTPVHCC cấp xã | 0,5 ngày |
| 2 | Giải quyết hồ sơ  *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)* | Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 01 ngày |
| 3 | Ký tắt văn bản lấy ý kiến thẩm định | Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 01 ngày |
| 4 | Phê duyệt văn bản lấy kiến thẩm định | Lãnh đạo UBND cấp xã | 0,5 ngày |
| 5 | Ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan | Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan | 07 ngày |
| 6 | Hoàn thành thẩm định. Trường hợp thẩm định không đạt, thông báo bằng văn bản cho chủ rừng biết và nêu rõ lý do. | Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 06 ngày |
|  | Ký tắt hồ sơ thẩm định | Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 01 ngày |
| 7 | Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo UBND cấp xã | 06 ngày |
| 8 | Đóng dấu vào sổ, chuyển TTPVHCC | Công chức nghiệp vụ văn thư | 01 ngày |
| 9 | Trả kết quả cho tổ chức | Công chức TTPVHCC | Giờ hành chính |

1. Đối với rừng tín ngưỡng do cộng đồng quản lý. [↑](#footnote-ref-1)